TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 16 - 11-2022
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2022/QĐ-PT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương N, sinh năm 1990.

ĐKTT: Số xxx, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số xxxx, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: xxxx, Khu phố x, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Thanh H là bị đơn.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, bảng tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Phạm Thị Phương N trình bày:

Bà và Ông Phạm Thanh H tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau năm 2018, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, bà về nhà chồng sống cùng ông H và mẹ chồng, cuộc sống chung hạnh phúc được 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bà không được ông H chia sẻ về các hoạt động liên quan đến công việc, thu nhập cũng như quan hệ xã hội. Khi bà biết ông H thua lỗ một khoản tiền lớn ngoài khả năng tài chính của vợ chồng, bà đã nhờ sự giúp đỡ của gia đình nhưng ông H không tán thành việc này, vợ chồng đã cãi vã nhiều; ngày 24/3/2022 ông H đuổi bà ra khỏi nhà, bà phải về nhà chị sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi sống riêng thì ông H không đến tìm bà để giải quyết những mâu thuẫn của vợ chồng. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì bà cũng không thể trở về để tiếp tục sống cùng ông H được nữa.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Phạm Xuân K, sinh ngày 22/02/2020, hiện đang sống cùng ông H. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà đang làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, thu nhập mỗi tháng dao động từ 13 đến 15 triệu đồng, đủ để nuôi con chung. Trường hợp yêu cầu nuôi con được chấp nhận thì bà sẽ đảm bảo về nơi ở để nuôi con, cụ thể: bà sẽ xin chuyển công tác và dẫn cháu K về nhà mẹ ruột tại Vĩnh Kim để sinh sống hoặc sống tại Bến Tre thì bà sẽ cất nhà trên thửa đất số 116 tại phường Phú Tân mà anh chị là Phạm Đức T và Võ Thị Hồng N đã lập "Văn bản cam kết" tặng cho tài sản có công chứng tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà có vay số tiền 192.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre, mục đích của việc vay tiền là để trả nợ cho ông H nhưng vì vay bằng tín chấp, nguồn trả nợ được trích từ tiền lương của bà nên bà xác nhận khoản vay này là nợ riêng của bà, không yêu cầu ông H phải có trách nhiệm cùng trả khoản vay này.

Theo bảng tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Ông Phạm Thanh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian ly thân. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ

chồng không nghiêm trọng, có thể tự giải quyết hàn gắn được và ông vẫn còn thương vợ. Trong khoản thời gian ly thân, ông không đến nơi vợ đang sống để khuyên vợ quay về sống cùng chồng và con, ông có gặp bà N khi đến nhà thăm con nhưng hai bên chưa giải quyết được những mâu thuẫn hiện tại.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Phạm Xuân K, sinh ngày 22/02/2020, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông kinh doanh tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con chung và có nhiều thời gian dành cho con. Từ khi sinh ra thì con chung chỉ ở nhà của ông, do mẹ ruột ông là Lê Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, cháu K không ở nhà ngoại hay bất cứ nơi nào khác. Ngoài ra, mẹ ông có đủ điều kiện về thời gian và khả năng tài chính để hỗ trợ ông trong việc chăm sóc cháu K. Chứng cứ chứng minh cho điều kiện nuôi con của ông là bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu và quyền sử dụng các thửa đất số 197, 213, 29 của bà Lê Thị Thanh H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông cũng có vay số tiền 270.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bến Tre, mục đích của việc vay tiền là để kinh doanh riêng nhưng vay bằng hình thức mở thẻ tín dụng nên ông xác nhận số nợ này là nợ riêng của ông, không yêu cầu bà N phải có trách nhiệm cùng trả khoản nợ này. Vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kim P đã được xét xử, khoản tiền vay 150.000.000 đồng trong vụ án là nợ riêng của ông. Khoản tiền 300.000.000 đồng thì ông đã kháng cáo chờ kết quả phúc thẩm.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Căn cứ:

Các Điều 56, 58, 59, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Phương N. Bà Phạm Thị Phương N được ly hôn với Ông Phạm Thanh H.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Xuân K, sinh ngày 22/02/2020 cho Bà Phạm Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận Bà Phạm Thị Phương N

không yêu cầu Ông Phạm Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2022, Ông Phạm Thanh H kháng cáo toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông H cho rằng còn thương vợ và mong muốn cùng vợ hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi con để cho con có sự phát triển toàn diện nên không đồng ý ly hôn với Bà Phạm Thị Phương N. Ông H yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 27/7/2022 của tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung kháng cáo:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của Ông Phạm Thanh H; giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, xét kháng cáo của bị đơn Ông Phạm Thanh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Ông Phạm Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương N và Ông Phạm Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018 vào ngày 22/8/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N và ông H chung sống có hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó có mâu thuẫn xảy ra, đến ngày 24/3/2022 bà N và ông H sống ly thân cho đến nay.

[2.2] Về con chung: Hai bên khai thống nhất có 01 con chung là Phạm Xuân K, sinh ngày 22/02/2020 hiện đang sống chung với Ông Phạm Thanh H.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đều trình bày không có.

[2.4] Xét kháng cáo của Ông Phạm Thanh H, nhận thấy:

Theo Biên bản xác minh tại địa phương vào ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre về tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H; chính quyền địa phương Phường 5, thành phố Bến Tre cho rằng: "*... không nắm được các thông tin liên quan đến tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H, Ủy ban nhân dân Phường 5 không nghe phản ánh về mâu thuẫn giữa bà N và ông H từ các ban ngành, đoàn thể địa phương*"(Bút lục số 43). Mặt khác, hai bên ly thân trong thời gian ngắn, hôn nhân chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích hôn nhân có thể khắc phục được, nên tạo điều kiện cho hai bên có thêm thời gian suy nghĩ để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng và cùng nhau chăm lo nuôi dạy con chung. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là chưa đủ căn cứ. Kháng cáo của ông H không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở.

[3] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ông Phạm Thanh H; Sửa toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Phạm Thị Phương N đối với Ông Phạm Thanh H. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N nên Hội đồng xét xử không đề cập về con chung, tài sản chung và nợ chung

giữa Bà Phạm Thị Phương N và Ông Phạm Thanh H.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Phương N phải nộp 300.000 đồng (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án).

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Ông Phạm Thanh H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ông Phạm Thanh H.

Sửa toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 53/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Bà Phạm Thị Phương N đối với bị đơn Ông Phạm Thanh H.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Phương N phải nộp án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005310 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Phạm Thị Phương N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Thanh H không phải chịu. Ông Phạm Thanh H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009815 ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- VP; KTNV; lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt